

Phụ lục số 05
HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 8/2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày 18/8/2023 của Sở Công Thương tỉnh Gia Lai)

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2023	TH 7T	Ước T8	ước 7T	7t/cùng kỳ	7t/KH
1. KN Xuất khẩu	1000 USD	680.000	490.000,00	40000	530.000,00	103,92	77,94
<i>Mặt hàng xuất khẩu</i>			-		-		
1. Cà phê	Tấn		189.000,00	10.000,00	199.000,00	100,51	
Giá trị	1000 USD		398.000,00	24.000,00	422.000,00	105,50	
2. Mủ cao su	Tấn		724,00	50,00	774,00	64,72	
Giá trị	1000 USD		829,00	75,00	904,00	39,30	
3. Gỗ tinh chế	1000 USD		500,00	50,00	550,00	22,00	
5 Hàng khác	1000 USD		90.671,00	15.875,00	106.546,00	101,28	
2. KN Nhập khẩu	1000 USD	110.000,00	90.000,00	4.000,00	94.000,00	79,66	85,45
<i>Mặt hàng nhập khẩu</i>			-		-		
1.Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		358,00		358,00		
2. Máy móc thiết bị	1000 USD		-		-		
3. Sắn lát	Tấn		1.500,00		1.500,00	42,86	
Giá trị	1000 USD		360,00		360,00	46,75	
4.Hạt điều	Tấn		20.150,00		20.150,00	70,01	
Giá trị	1000 USD		23.282,00		23.282,00	65,13	
5. cao su tự nhiên	Tấn		5.200,00	1000	6.200,00	89,86	
giá trị	1000 USD		6.000,00	1200	7.200,00	82,11	
6. Hàng khác	1000 USD		60.000,00	2.800,00	62.800,00	86,36	